TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 352/2024/DS-PT Ngày 01 - 7 - 2024 V/v tranh chấp "Quyền sử dụng đất"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

Bà Nguyễn Ái Đoan.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Trúc Hương – Thẩm tra viên Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 6 năm 2024 và 01 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2024/TLPT-DS ngày 02/4/2024 về việc tranh chấp "Quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 258/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Toà án nhân dân huyện CL, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 196/2024/QĐ-PT ngày 09/4/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng C:

1/ Anh Vi Văn T, sinh năm 1997 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

2/ Anh Đỗ Đặng Hồng T1, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: Số I đường số A, khu phố C, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Phạm Hùng H, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Bùi Chí N, sinh năm 1996 (vắng mặt).

3.2. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1985 (có mặt).

3.3. Chị Hồ Thị Bé L, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

3.4. Bà Lê Thị D, sinh năm 1979 (vắng mặt).

3.5. Cháu Phạm Thị Xuân M, sinh năm 2008 (vắng mặt).

3.6. Cháu Phạm Hùng Thiên P1, sinh năm 2010.

Đại diện theo pháp luật của cháu M, cháu P1: Ông Phạm Hùng H, sinh năm 1980 và bà Lê Thị D, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

3.7. Ông Trần Văn T2, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A khu phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

*4. Người kháng cáo: N*guyên đơn Nguyễn Thị Hồng C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, anh Vi Văn T - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng C trình bày:

Năm 1987, bà Nguyễn Thị Hồng C được cha ruột là cụ Nguyễn Văn Cảnh tặng cho thửa 675, tờ bản đồ số 3 tại ấp T, xã T, huyện CL, tỉnh Tiền Giang và sử dụng từ đó đến nay. Năm 1996, bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00254 ngày 26/02/1996 do bà Nguyễn Thị Hồng C đứng tên và sử dụng ổn định từ đó đến nay. Trong quá trình sử dụng đất thì năm 2014, giữa bà C và ông Trần Văn T2 (chủ cũ phần đất ông Phạm Hùng H đã mua) xảy ra tranh chấp về ranh đất. Ngày 16/9/2014, bà C và ông H có phiên hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã T. Tại phiên hòa giải này đã thống nhất: Phần đất ông Trần Văn T2, ông T2 xác định ngang 28,10m, giáp ranh mỗi bên chừa 01m lòng rạch để đảm bảo tưới tiêu cho các hộ dân bên trong và đã đóng cọc đá để làm ranh. Sau đó, ông Trần Văn T2 chuyển nhượng cho ông Phạm Hùng H. Ngày 10/4/2017, bà C làm đơn đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo số liệu đo đạc mới. Căn cứ bảng thuyết minh ngày 13/4/2017 thì số mới do trung tâm đo đạc đoàn 301 thì thửa 675 do bà C đứng tên trên giấy chủ quyền tương ứng với các thửa 90, 103, 104, tờ bản đồ số 25. Diện tích tăng 565,5m^2, diện tích tăng là do đo đạc, ranh giới, mốc giới sử dụng ổn định không thay đổi, không tranh chấp. Lý do tăng diện tích là do đất giáp sông được bồi đắp tự nhiên.

Quá trình cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà C được biết, ông Phạm Hùng H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 102, tờ bản đồ số 25. Thửa 102 này giáp ranh thửa 103, tờ bản đồ số 25 do bà C sử dụng. Nhưng khi xem sơ đồ thửa đất bà C phát hiện chiều ngang mặt tiền miếng

đất ông H không phải là 28,10m theo như số liệu tại biên bản hòa giải ngày 16/9/2014 do bà C và ông T2 đã thống nhất mà tăng thêm 5,07m chiều ngang.

Thực tế, chiều ngang 5,07m này do gia đình bà C quản lý và sử dụng. Khi phát hiện thì bà C yêu cầu ông H phải chỉnh sửa lại cho phù hợp với thực tế nhưng ông H không hợp tác.

Ngày 11/01/2019, bà C làm đơn yêu cầu lên Ủy ban nhân dân xã T tổ chức hòa giải tranh chấp đất giữa bà C và ông H nhưng hòa giải không thành.

Nay, bà Nguyễn Thị Hồng C yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Hồng C và ông Phạm Hùng H. Bà C được quản lý phần đất tranh chấp tại vị trí số 2, 3 theo bản đồ địa chính khu đất (trích đo) ngày 31/5/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện CL, tỉnh Tiền Giang. Trong trường hợp, phần đất tranh chấp thuộc quyền quản lý của ông Phạm Hùng H thì bà Nguyễn Thị Hồng C xin mua lại theo giá của Hội đồng định giá. Bà Nguyễn Thị Hồng C rút yêu cầu khởi kiện buộc ông Phạm Hùng H chừa 1m dọc theo ranh đất để làm đường nước tưới tiêu cho các hộ dân bên trong.

Bị đơn ông Phạm Hùng H trình bày:

Ông nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn T2 phần diện tích 1.850m^2, thửa 102, tờ bản đồ số 25. Chuyển nhượng nguyên thửa. Năm 2020, ông xảy ra tranh chấp với bà Nguyễn Thị Hồng C. Nay, ông có ý kiến, ông xin nhận đúng diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Nhà nước cấp giấy cho ông.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông tự nguyện chừa phần đất ngang 2,5m, dài hết đất của ông để làm đường nước chung cho các hộ dân bên trong. Đồng thời, ông tự nguyện chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn P phần đất tranh chấp còn lại ngang 2,5m, dài hết đất với giá 60.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn P trình bày:

Biên bản hòa giải tại trụ sở ấp T, xã T, huyện CL, tỉnh Tiền Giang ngày 16/9/2014, ông Trần Văn T2 đồng ý xác định theo đo đạc quyền sử dụng đất, điểm xác nhận chiều ngang 28,10m giáp ranh ông Phạm Thiện T3 và chừa 1m lòng rạch để đảm bảo đường nước tưới tiêu cho các hộ dân bên trong và đã đóng cọc đá làm ranh.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh thống nhất với ý kiến của ông Phạm Hùng H, ông H sẽ chừa phần đất ngang 2,5m, dài hết đất của ông H để làm đường nước chung cho các hộ dân bên trong. Đồng thời, anh nhận chuyển nhượng phần đất tranh chấp còn lại ngang 2,5m, dài hết đất với giá của Hội đồng định giá huyện CL là 48.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt, không có ý kiến và không tham gia phiên tòa.

Bản án dân sự sơ thẩm số 258/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Toà án nhân dân huyện CL, tỉnh Tiền Giang, đã căn cứ vào khoản 2 Điều 26; điểm a

khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 175, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 166 của Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng C.

1.1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng C về việc buộc ông Phạm Hùng H chừa 1m dọc theo ranh đất để làm đường nước tưới tiêu cho các hộ dân bên trong.

1.2. Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng C buộc ông Phạm Hùng H trả lại phần đất tranh chấp tại vị trí số 2 diện tích 207,2m^2, vị trí số 3 diện tích 94,1m^2, thửa 102, tờ bản đồ số 25 tại ấp T, xã T, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

1.3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Hùng H chừa phần đất diện tích 132,7m^2 (chiều ngang 2,5m, dài hết đất) để làm đường nước chung cho các hộ dân bên trong. Đất có tứ cận:

+ Phía bắc giáp đường T.

+ Phía nam giáp phần đất bãi bồi của bà Nguyễn Thị Hồng C.

+ Phía tây giáp phần đất còn lại của ông Phạm Hùng H.

+ Phía đông giáp phần đất còn lại của ông Phạm Hùng H.

(có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

2. Giữ nguyên hiện trạng trên phần đất tranh chấp là 15 cây mít loại D, 02 bụi chuối loại A, 01 cây mận loại A, 01 cây sung loại B2, 01 mái che và 01 phần căn nhà sau của bà Nguyễn Thị Hồng C.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/10/2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng C có đơn kháng cáo yêu cầu: sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Ông Phạm Hùng H nhận chuyển nhượng thửa đất 102 từ ông Trần Văn T2 nhưng không đo đạc làm rõ diện tích cụ thể. Diện tích đất tranh chấp được ông P2 xác định đã sửu dụng lâu dài, ổn định, có công trình, cây trồng trên đất. Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật

tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bà C, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Người kháng cáo thực hiện thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên đơn kháng cáo được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp yêu cầu giải quyết: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "*Quyền sử dụng đất"* là chính xác với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các tranh chấp được Bộ luật Dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hồ Thị Bé L, Lê Thị D, Phạm Thị Xuân M, Trần Văn T2 vắng mặt. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng C.

Để xem xét kháng cáo của bà C, cần xem xét kích thước các cạnh hướng Bắc và hướng Nam của thửa đất 102 thuộc quyền sử dụng của ông H qua quá trình biến động đất đai.

Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện huyện CL, diện tích phần đất tranh chấp là 301,3m^2 (bút lục 49-51, 62).

Bà C xác định, phần đất diện tích 301,3m^2, thuộc thửa 675 (nay là thửa 103) là đất thuộc quyền sử dụng của bà, đã được chủ sử dụng thửa đất số 102 là ông Trần Văn T2 xác định theo Biên bản hòa giải về việc xác định ranh đất ngày 16/9/2014 tại ấp T, xã T, huyện CL, tỉnh Tiền Giang, khi hòa giải tranh chấp đất đai giữa bà C và ông T2.

Nhận thấy, nguồn gốc thửa đất số 102, diện tích 1.850m^2, tờ bản đồ số 25, loại đất trồng cây lâu năm, do ông Phạm Hùng H nhận chuyển nhượng từ ông Trần Văn T2. Ông H đã đi đăng ký kê khai vào ngày 02/02/2016 nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới. Trước đó, thửa đất trên được cấp Giấy chứng nhận nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Trần Văn T2 vào ngày 07/9/2011 (bút lục 56). Thửa đất 102 giáp với thửa đất 675 (nay là thửa 103) thuộc quyền sử dụng của bà C về hướng Đông.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, năm 2014, giữa bà Nguyễn Thị Hồng C và ông Phạm Hùng H có tranh chấp về quyền sử dụng đất. Tại buổi hòa giải ngày 16/9/2014 tại ấp T, xã T, huyện CL, tỉnh Tiền Giang, hai bên đã thống nhất thỏa thuận như sau: "*Ông Trần Văn T2 đồng ý xác*

định, xác nhận theo đo đạc của quyền sử dụng đất. Điểm xác nhận chiều ngang (28,10m) hai mươi tám mét mười tấc đo với đất giáp ranh ông Phan Thiện Thuật". Điều 175 Bộ luật dân sự quy định: "*1.Ranh giới giữa các bất động sản liền kề được xác định theo thỏa thuận hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền*". Như vậy, ranh giới giữa hai thửa đất 102 và 675 đã được hai chủ sử dụng đất là bà C và ông T2 thỏa thuận xác định chiều ngang thửa đất (cạnh hướng Bắc), thuộc quyền sử dụng của ông T2 là 28,10m, được đo từ ranh đất về hướng Tây thửa đất 102 là đất thuộc quyền sử dụng của ông Phan Thiện Thuật. Mặc dù, tại Biên bản nói trên hai bên không xác định cạnh về hướng Nam nhưng cạnh này của thửa 102 theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/3/2022, có nhiều đường gấp khúc và tổng các đoạn hướng Bắc là: 2,62m + 23,09m + 0,85m + 2,14m = 28,7m (không bao gồm phần đất tranh chấp - Bút lục 62). Cạnh này theo sơ đồ Biên bản đo đất ngày 10/12/1999 là 28,65m (tài liệu có trong hồ sơ cấp quyền sử dụng đất cho bà Dương Thị Hòa do Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang thu thập). Bà Dương Thị Hòa là người chuyển nhượng thửa đất 102 cho ông Trần Văn T2 vào năm 2011. Như vậy, cạnh hướng Bắc được bà C xác định theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 23/3/2022 là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bên cạnh đó, trên thực tế, phần đất tranh chấp do bà C trực tiếp sử dụng và có một mái che kết cấu mái tole, kèo gỗ, cột bê tông cốt thép, nền xi măng; một phần căn nhà sau kết cấu mái fibro xi măng, kèo gỗ, cột bê tông cốt thép, nền xi măng, không vách, có tole; 15 cây mít loại D, 02 bụi chuối loại A, 01 cây mận loại A, 01 cây sung loại B2. Các tài sản trên thuộc quyền sở hữu của bà C. Năm 2015, khi nhận chuyển nhượng thửa đất 102 từ ông Trần Văn T2, ông H đã không xem xét kỹ phần đất nhận chuyển nhượng, không tiến hành đo đạc để xác định ranh giới thửa đất với các thửa đất liền kề, trong khi ranh giới giữa thửa đất 102 và 675 đã được thỏa thuận xác định vào ngày 16/9/2014. Do đó, có đủ sơ sở xác định phần đất tranh chấp diện tích 301,3m^2 thuộc quyền sử dụng của bà C. Ông H cho rằng ông nhận đúng với diện tích đất trên Giấy chứng nhận nhà nước cấp cho ông là không có cơ sở. Vì vậy, cần buộc ông Phạm Hùng H trả lại phần đất tranh chấp tại vị trí số 2 diện tích 207,2m^2, vị trí số 3 diện tích 94,1m^2, thửa 102, tờ bản đồ số 25 tại ấp T, xã T, huyện CL, tỉnh Tiền Giang, vị trí phần đất như sau:

Đông giáp đất phần đất ông Phạm Hùng H;

Tây giáp đất Nguyễn Thị Hồng C;

Nam giáp đường Tân Tường B;

Bắc giáp đất bài bồi sông Tân Bường.

(theo Trích đo Bản đồ địa chính khu đất ngày 31/5/2022).

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: từ sau khi xác định ranh thì bà C không làm thủ tục cấp giấy đối với phần đất đã xác định ranh, ông H không biết bà C và ông T2 đã chừa ra phần đất ngang 5,07m, ông T2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng với diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của

ông T2, để từ đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C là đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ, khách quan. Bởi lẽ, việc bà C chưa đi đăng ký biến động đất đai đối với thửa đất 675 hoàn toàn không làm mất đi quyền sử dụng của bà đối với phần đất 301,3m^2 đã được bà, ông T2 – chủ sử dụng đất liền kề thống nhất thỏa thuận trước đó và thỏa thuận này không trái với quy định của pháp luật.

Từ phân tích trên, yêu cầu kháng cáo của bà C là có căn cứ nên được chấp nhận; Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 258/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Toà án nhân dân huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

Do xác định phần đất diện tích 301,3m^2 thuộc quyền sử dụng của bà C nên không thể ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Hùng H chừa phần đất diện tích 132,7m^2 (chiều ngang 2,5m, dài hết đất) để làm đường nước chung cho các hộ dân bên trong như quyết định của bản án sơ thẩm.

Về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh T2 và ông H đối với thửa đất số 102, nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà C được chấp nhận nên bà không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Hồng C không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313, khoản 9 Điều 26; điểm Điều 38, Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 244, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166, Điều 175 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 95, Điều 166, Điều 170 Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng C.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 258/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Toà án nhân dân huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng C.

1.1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng C về việc buộc ông Phạm Hùng H chừa 1m dọc theo ranh đất để làm đường nước tưới tiêu cho các hộ dân bên trong.

1.2. Buộc ông Phạm Hùng H trả lại phần đất tranh chấp tại vị trí số 2 diện tích 207,2m^2 và vị trí số 3 diện tích 94,1m^2, thửa 102, tờ bản đồ số 25 tại ấp T, xã T, huyện CL, tỉnh Tiền Giang, vị trí như sau:

+ Đông giáp đất phần đất ông Phạm Hùng H;

+ Tây giáp đất Nguyễn Thị Hồng C;

+ Nam giáp đường Tân Bường B;

+ Bắc giáp đất bài bồi sông Tân Bường.

(theo Trích đo Bản đồ địa chính khu đất ngày 31/5/2022).

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Hồng C là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Hồng C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện CL;
- CCTHADS huyện CL;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

DSPT-2024-H

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ánh Phương